

Bản án số: 09/2019/HS-ST

Ngày 06/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn*
- *Các hội thẩm nhân dân: Ông Tống Như Hải và ông Phùng Văn Thi*
- *Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Bằng - Kiểm sát viên.*

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2019/TLST-HS, ngày 14/02/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HS ngày 18/02/2019 đối với bị cáo;

Họ và tên: **Nguyễn Minh C** - Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1991 tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ

Tên gọi khác; không

Nơi cư trú: Khu 14, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ

Nghề nghiệp; lái xe ô tô . Trình độ văn hoá; lớp 9/12

Dân tộc; Kinh. Giới tính; Nam. Tôn giáo; Không. Quốc tịch; Việt Nam

Con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Hồng B.

Có vợ là Hoàng Thị N. Có 02 con; lớn sinh 2012, nhỏ sinh năm 2016

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/10/2018. Bị cáo đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

* **Người bị hại:** Cụ **Vi Hữu T** - Sinh năm 1928 (*đã chết*)

- *Người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại:*

Ông Phạm Văn X - Sinh năm 1956

Địa chỉ : Khu 5, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (*có mặt*).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Trần Văn T - Sinh năm 1961

Địa chỉ: Tổ 2b, phố Phú Hà, phường Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi chiều ngày 11/10/2018, Nguyễn Minh C, trú tại khu 14 xã P, thị xã P điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, biển số 19L - xxxx chở hàngximăng đi từ thị trấn T về thị xã P theo đường 320C. Khi đi đến đoạn cua về bên trái thuộc khu 13 xã Đ, huyện T phát hiện cách khoảng 30m có ông Vi Hữu T, trú tại khu 8 xã Đ đang điều khiển xe mô tô biển số 19 - xxx F2 đi từ đường bê tông phía bên phải (theo hướng xã Đ đi thị xã P) ra đường 320C để sang đường. Do chủ quan, Nguyễn Minh C đoán ông T sẽ dừng lại để nhường đường nên C không giảm tốc độ, không phát tín hiệu còi. Khi ông T điều khiển xe mô tô ra gần giữa lòng đường thì C mới điều khiển xe ô tô tránh về bên trái hướng đi và đạp phanh gấp, nhưng do xe đang di chuyển với tốc độ khoảng 50km/h và chở hàng nặng nên đã va quệt vào xe mô tô của ông T điều khiển gây tai nạn ở phần đường bên trái. Hậu quả ông Vi Hữu T bị tử vong tại hiện trường, xe mô tô bị hư hỏng.

Ngay sau khi xảy ra tai nạn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám nghiệm phương tiện, điều tra xác minh và trưng cầu giám định, kết quả như sau:

- + Lấy hướng từ huyện T đi thị xã P làm chiều phải, chiều khám nghiệm. Lấy cột điện ghép đôi loại cột điện hình chữ "H" trên thân cột đánh số 24C phía ngoài mép đường phải trước cửa gia đình ông bà T T ở khu 13, xã Đ làm vật chuẩn. Tại nơi xảy ra tai nạn giao thông đường vòng về hướng bên trái, tầm nhìn bị hạn chế về phía bên trái. Mặt đường được trải nhựa, bằng phẳng. Mặt đường rộng 9,80m, lề đường phía phải tiếp giáp với cổng và sân nhà dân không xác định được lề đường, chỗ rộng nhất bằng 5,3m, lề đường phía trái rộng trung bình 0,5m;

- + Hiện trường để lại 02 vết trượt kép màu đen liền mạch nối tiếp với vết hằn bụi đất kép, trong đó có một vết xen lẫn rải rác vết dịch màu nâu;

- + Hiện trường để lại 04 vết cày xước kích thước khác nhau đều có hướng từ huyện T đi thị xã P, nằm trên phần đường phía trái chệch ra tim đường.

- + Trên phần đường bên trái để lại 01 tử thi là nam giới, nằm ngửa. Phần bụng và chân trái bị dập nát, nội tạng bị đẩy ra ngoài khoang bụng. Vị trí của tử thi nằm trên vết trượt số 02;

- + Hiện trường vụ tai nạn giao thông để lại 01 xe mô tô biển số 19 - 242 F2 nằm đổ nghiêng về bên trái, đầu xe hướng về lề đường phải chệch đi huyện Thanh Ba, đuôi xe hướng về lề đường phải chệch đi thị xã Phú Thọ. Khoảng cách từ tâm trục bánh sau bên trái đến mép đường chuẩn bằng 5,05m, từ tâm trục bánh trước bên trái tới mép đường chuẩn bằng 4,33m;

+ Hiện trường để lại vùng mảnh nhựa vỡ hỗn hợp màu xanh, vàng trên mặt đường, có kích thước 6,10m x 1m. Khoảng cách từ tâm đám mảnh nhựa vỡ tới mép đường chuẩn là 5,12m;

+ Hiện trường để lại 01 xe ô tô tải biển số 19L - xxxx đang dừng đỗ trên mặt đường, chở xi măng trên thùng. Đầu xe hướng về thị xã P, đuôi xe hướng về huyện T. Phần mặt lán bánh lốp phía sau bên trái và bên phải lần lượt tương ứng với điểm cuối vết trượt đánh số 01 và 02;

Điều tra xác minh thấy gia đình ông Vi Đức T ở khu 13 xã Đông Thành có lắp Camera giám sát ở ven đường nên đã ghi lại được toàn bộ diễn biến vụ tai nạn giao thông. Ngày 11/10/2017, Cơ quan điều tra đã sao lưu hình ảnh ghi được từ Camera giám sát của gia đình ông T về diễn biến vụ tai nạn vào 01 USB màu đen hiện đang lưu theo hồ sơ.

- Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 187/PC09-PY ngày 24/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ xác định: “*Nguyên nhân chết của ông Vi Hữu T là đa chấn thương (Chấn thương ngực kín, chấn thương bụng hở, vỡ phức tạp xương chậu, chấn thương cột sống, tửu sống*”.

Cơ quan điều tra tạm giữ: 01 xe mô tô biển số 19 - xxx F2; 01 xe ô tô biển số 19L - xxxx, giấy tờ đăng ký, bảo hiểm, đăng kiểm của xe ô tô nêu trên và Giấy phép lái xe của Nguyễn Minh C.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKS.TB ngày 12/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba truy tố Nguyễn Minh C về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đã nêu và đề nghị như sau:

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015: Phạt **Nguyễn Minh C** từ **06** đến **09** tháng cải tạo không giam giữ.

+ Không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày luận tội, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa, cũng không có tranh luận mà chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt. Đại diện gia đình người bị hại cũng không có tranh luận, không yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vào chiều ngày 11/10/2018, Nguyễn Minh C điều khiển xe ô tô tải Hyundai biển số 19L - xxxx (là xe của ông Trần Văn T thuê C lái theo hợp đồng) chở hàng xi măng từ thị trấn T về thị xã P theo đường 320C. Khi đi đến đoạn đường

cua về bên trái thuộc địa phận khu 13 xã Đ, huyện T thì phát hiện cách khoảng 30m có ông Vi Hữu T điều khiển xe mô tô đi từ đường bê tông ra để sang đường, do chủ quan nên C không giảm tốc độ, không tín hiệu còi, khi ông T điều khiển xe mô tô ra gần giữa lòng đường thì C mới điều khiển xe ô tô tránh về phía bên trái đường theo chiều đi và phanh gấp, nhưng do khoảng cách gần, xe ô tô chở nặng không dừng ngay được nên đã va vào xe mô tô do ông T điều khiển ở phía phần đường bên trái. Hậu quả làm ông T bị đa chấn thương và tử vong ngay tại hiện trường, xe mô tô của ông T bị hư hỏng.

Ngoài lời khai, lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa thì còn có các tài liệu, chứng cứ khác chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo gồm: Biên bản khám nghiệm và sơ đồ hiện trường ngay khi xảy ra tai nạn; biên bản khám nghiệm phương tiện; khám nghiệm tử thi; kết luận giám định và hình ảnh trích xuất được từ Camera ghi lại diễn biến của vụ tai nạn cùng với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng. Các tài liệu chứng cứ, vật chứng đều hoàn toàn phù hợp với nhau và đều được thu thập theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Mặc dù bị cáo có Giấy phép lái xe ô tô theo quy định, nhưng khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông lại không chấp hành đúng các quy định của Luật giao thông đường bộ, cụ thể; điều khiển xe ô tô đi không đúng phần đường bên phải theo chiều đi của mình, khi đi đến đoạn đường giao nhau, đoạn đường cong cua đã chủ quan không giảm tốc độ để có thể dừng xe lại một cách an toàn đã vi phạm Khoản 1 Điều 9; Điều 24 Luật giao thông đường bộ; khoản 3 Điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải

Khoản 1 điều 9 Luật giao thông đường bộ quy định: “*Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ*”.

Điều 24 Luật giao thông đường bộ quy định: “*Khi đến gần đường giao nhau, người điều khiển phương tiện phải cho xe giảm tốc độ ...*”

Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải quy định: “*Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức; nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; đường vòng; đường có địa hình quanh co, đèo dốc; đoạn đường mà mặt đường không êm thuận*”.

Chính từ những vi phạm giao thông như đã nêu trên của Nguyễn Minh C là nguyên nhân gây ra tai nạn và lỗi thuộc về bị cáo. Với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra thì việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng pháp luật.

Điều luật quy định: “*Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a) Làm chết người...”

[2]. Mặc dù bị cáo phạm tội do lỗi vô ý, nhưng hậu quả gây ra là nghiêm trọng, đã gây thiệt hại đến tính mạng người khác, xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng trong lĩnh vực giao thông đường bộ, gây nên sự lo lắng, bất an cho mọi người khi tham gia giao thông. Vì vậy, việc xử lý hình sự và áp dụng hình phạt đối với bị cáo là cần thiết để răn đe và phòng ngừa chung.

[3]. Xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội do lỗi vô ý; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn, hối hận về sai lầm của mình; bị cáo cũng đã khắc phục hậu quả, bồi thường các thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra, đại diện gia đình người bị hại có đơn và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, bị cáo lại có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vì vậy để thực hiện chính sách nhân đạo của pháp luật nên chỉ cần áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự quản lý giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giúp bị cáo tự sửa chữa sai lầm của mình để trở thành một công dân tốt.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 và khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, bị khấu trừ một phần thu nhập nhưng công việc và thu nhập của bị cáo thấp, không ổn định và xét thấy không cần thiết nên không áp dụng, nhưng bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng do chính quyền địa phương yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5]. Về bồi thường dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường theo thỏa thuận cho gia đình người bị hại số tiền 70.000.000.đ. Đại diện gia đình người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất cứ thiệt hại nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Đối với chiếc xe ô tô mà bị cáo đã điều khiển gây tai nạn thuộc sở hữu hợp pháp của ông Trần Văn T. Giữa bị cáo với ông T không ai có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

[6]. Vật chứng của vụ án:

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả cho ông Trần Văn T 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, màu sơn trắng, biển số 19L-xxxx cùng các giấy tờ của xe; trả cho ông Phạm Văn X (đại diện gia đình người bị hại) 01 chiếc xe mô tô

nhãn hiệu Honda biển số 19-xxx-F2. Việc trả lại tài sản là hợp pháp nên được xác nhận;

+ Đối với 01 giấy phép lái xe số 250165017058 mang tên Nguyễn Minh C, do không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định nên trả lại cho bị cáo C để sử dụng;

+ Đối với 01 chiếc USB màu đen nhãn hiệu TEAMGROOP để trong phong bì dán kín bên ngoài có đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba, đây là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu để lưu hồ sơ vụ án.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã trình bày luận tội đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo, đề xuất về xử lý vật chứng. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ của vụ án và diễn biến, kết quả tranh tụng tại phiên tòa vì vậy được chấp nhận.

[9]. Căn cứ vào diễn biến và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận: Trong quá trình điều tra, truy tố, các quyết định và hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra đều phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án, phù hợp với diễn biến tại phiên tòa và có đủ căn cứ để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Phạt **Nguyễn Minh C 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án;

Giao bị cáo Nguyễn Minh C cho Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ và buộc bị cáo C phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự. Gia đình bị cáo Nguyễn Minh C có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Xác nhận bị cáo Nguyễn Minh C đã bồi thường theo thỏa thuận cho gia đình người bị hại tổng số tiền **70.000.000đ** (bảy mươi triệu đồng), ông Phạm Văn X đại diện gia đình người bị hại đã nhận ngày 29/10/2018 (*có giấy biên nhận tiền lưu trong hồ sơ vụ án*);

+ Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba đã trả lại những tài sản, đồ vật sau là hợp pháp: Trả cho ông Trần Văn T 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, màu sơn trắng, biển số 19L-xxxx; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự và 01 Đăng ký xe ô tô (đều của xe ô tô biển số 19L- xxxx) và trả cho ông Phạm Văn X 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 19-xxx-F2 màu sơn xanh (các biên bản về việc trả lại đồ vật tài liệu ngày 13/11/2018, 20/12/2018 và 24/01/2019 có lưu trong hồ sơ vụ án);

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh C 01 Giấy phép lái xe số 250165017058 mang tên Nguyễn Minh C (*hiện đang tạm giữ trong hồ sơ vụ án và khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba để trả lại theo quy định của pháp luật*);

+ Tịch thu 01 chiếc USB màu đen nhãn hiệu TEAMGROOP để trong phong bì dán kín bên ngoài có đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba (hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án) để tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Minh C phải nộp **200.000.đ** (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và đại diện người bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự, dân sự;
- UBND xã P, Tx P;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo, đại diện người bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Tạ Hồng Tuấn